

Biểu số:
4103.N/TDĐT-TCTDĐT
Ban hành kèm theo Thông
tư số 17/2021/TT-BVHTTĐ
ngày 28 tháng 12 năm 2021

**TỶ LỆ CỘNG TÁC VIÊN
THỂ DỤC, THỂ THAO**

Năm ...

Đơn vị báo cáo:
Tổng cục Thể dục thể thao

Đơn vị nhận báo cáo:
Vụ Kế hoạch, Tài chính

Ngày nhận báo cáo: 28/2
năm sau

	Mã số	Số cộng tác viên thể dục, thể thao (Người)	Tỷ lệ cộng tác viên thể dục, thể thao (%)
A	B	1	2
Tổng số	01		
Chia theo tỉnh, thành phố <i>(Ghi theo danh mục đơn vị hành chính)</i>			
An Giang	02		
...	...		

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

HƯỚNG DẪN, GIẢI THÍCH CÁCH GHI BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ
(Kèm theo Thông tư số: 17/2021/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Biểu số: 4103.N/TDĐT-TCTDĐT: Tỷ lệ cộng tác viên thể dục, thể thao

1. Khái niệm, phương pháp tính

Cộng tác viên thể dục, thể thao là người có trình độ chuyên môn thể dục, thể thao thực hiện nhiệm vụ vận động, tổ chức, hướng dẫn mọi người tập luyện thể dục, biểu diễn, thi đấu thể thao và tham gia phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng.

Công thức tính: Tiêu chí số cộng tác viên thể dục, thể thao được xác định bằng tỉ lệ phần trăm (%) của tổng số cộng tác viên thể dục, thể thao so với tổng số dân trên địa bàn.

$$\text{Tỷ lệ cộng tác viên thể dục, thể thao (\%)} = \frac{\text{Tổng số cộng tác viên thể dục, thể thao}}{\text{Dân số trung bình}} \times 100$$

2. Cách ghi biểu

a) Thời kỳ thu nhập: Thống kê tỷ lệ cộng tác viên thể dục, thể thao trong năm báo cáo.

b) Thời kỳ thu thập số liệu: Số liệu tính từ 01/01 đến 31/12 của năm báo cáo.

c) Cách ghi biểu:

- Các cột:

Cột A: Chỉ tiêu;

Cột B: Mã số;

Cột 1: Ghi số cộng tác viên thể dục, thể thao;

Cột 2: Ghi tỷ lệ cộng tác viên thể dục, thể thao.

- Các dòng:

Dòng 1: Tổng số;

Từ dòng 3 trở đi: Ghi theo tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

3. Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo thống kê ngành văn hóa, thể thao, du lịch.

